TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2023.
V/v: "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính – Là thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST – HNGĐ ngày 23/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Kim D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh H; chỗ ở: Câu T, xã T, thị xã D, tỉnh H.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh H.

Tại phiên tòa có mặt chị D, anh Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lương Thị Kim D trình bày:

Chị Lương Thị Kim D và anh Nguyễn Đức Th kết hôn là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 31/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố P, tỉnh H. Trước khi kết hôn anh, chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do anh Th ham chơi, không tu chí làm ăn, chị có khuyên bảo thì vợ chồng xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, chị D đã đưa hai

con về nhà ngoại sinh sống từ tháng 10 năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình sống ly thân đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị Lương Thị Kim D xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức Th.

Bị đơn anh Nguyễn Đức Th có quan điểm: Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống hòa thuận như chị D trình bày là đúng. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do anh ham chơi dẫn đến nợ lần từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Chị D đã đưa hai con về nhà ngoại ở từ tháng 10/2020, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân thi thoảng anh vẫn hỏi thăm vợ con. Nay chị D xin ly hôn anh mong muốn chị D tha thứ cho sai lầm của anh để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung là Nguyễn Bảo N (con gái), sinh ngày 07/5/2017 và Nguyễn Đức Th (con trai), sinh ngày 07/5/2019. Hiện cả hai con chung đang ở với chị D, khi ly hôn chị D xin nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/01 cháu. Chị D làm công nhân thu nhập bình quân mỗi tháng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ. Anh Nguyễn Đức T trường hợp ly hôn anh xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện anh đang làm công nhân thu nhập mỗi tháng là 9.000.000đ. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị D, anh Th xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án thu thập chứng cứ về việc chị D khởi kiện xin ly hôn với anh Th tại Ủy ban nhân dân xã Đ: Kết quả: Ngày 31/12/2016 Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Th, chị D, sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại địa phương. Đến tháng 8 năm 2022 địa phương nhận được đơn xin ly hôn của chị D sau đó tiến hành hòa giải cơ sở nhưng không thành. Nay chị D xin ly hôn anh T tại Tòa án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về hôn nhân và con chung của anh chị theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Lương Thị Kim D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Đức Th. Về con chung, tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị xin nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ/01 con chung. Tại phiên hòa giải chị thay đổi ý kiến ban đầu, xin được nuôi một con chung là Nguyễn Bảo N vì sau ly hôn chị không có nhà phải đi ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, bản thân làm công nhân nên không đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung.

Anh Nguyễn Đức Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình trự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy đinh của pháp luật khi Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên hòa giải lần thứ hai, phiên tòa ngày 23/5/2023 cũng như phiên tòa ngày hôm nay đều vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến, nguyện vọng và đánh giá tình trạng hôn nhân của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Lương Thị Kim D.

- Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lương Thị Kim D và anh Nguyễn Đức Th.

- Về con chung: Giao chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Bảo N; Giao anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Đức Th. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Đức Th có hộ khẩu thường trú tại: Thôn 2, xã Đ, thành phố P, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Kiện xin ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lương Thị Kim D và anh Nguyễn Đức Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh H.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn Tòa án đã hai lần triệu hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Lương Thị Kim D và anh Nguyễn Đức Th là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn ngày 31/10/2016 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, thành phố P, tỉnh H. Do đó

cuộc hôn nhân của chị D và anh Th thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Kim D, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn chị D và anh Th đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có với nhau hai con chung, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th ham chơi dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay là có thật được cả chị D và anh Th thừa nhận. Anh Th mong muốn chị D tha thứ đối với việc ham chơi của mình để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con nhưng không có biện pháp khắc phục để hàn gắn gia đình nên việc anh Th mong muốn vợ chồng đoàn tụ là không có căn cứ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị D được Hội đồng xét xử chấp nhận phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại các Điều 51, 54, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị D và anh Th thống nhất xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Bảo N (con gái), sinh ngày 07/5/2017 và Nguyễn Đức T (con trai), sinh ngày 07/5/2019. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị D và anh Th, Hội đồng xét xử thấy: Nguyện vọng xin nuôi con chung của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên xét điều kiện mọi mặt về chăm sóc và nuôi dậy con chung thấy, hiện chị D và anh Th đều có công việc và có thu nhập ổn định, đảm bảo về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cho các con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ chưa thành niên, phù hợp với điều kiện về tâm sinh lý của các cháu cũng như các điều kiện nuôi dậy khác. Do vậy khi anh chị ly hôn cần giao mỗi người nuôi một con chung, cụ thể giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Đức T cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng, điều kiện thực tế của các bên và quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 227; 228; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị Kim D: Xử ly hôn giữa chị Lương Thị Kim D và anh Nguyễn Đức Th.

2/ Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Bảo N (con gái), sinh ngày 07/5/2017 cho chị Lương Thị Kim D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Nguyễn Đức T (con trai), sinh ngày 07/5/2019 cho anh Nguyễn Đức Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ chung: Chị D và anh Th không đề nghi Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị Kim D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được đối trừ số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001602 ngày 15/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị D đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND xã Đ, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy